

Số: 57 /TT-UBND

Bình Phước, ngày 15 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ
nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Khoản 2, Điều 7; Điều 8; Điều 9; Khoản 2, Điều 10; Điều 12; Khoản 2, Điều 14; Điểm a, Khoản 2; Điều 20; Điểm d, Khoản 2, Điều 26; Khoản 1, Điều 39 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 53/2022/TT-BTC).

2. Căn cứ thực tiễn

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (MTQG XDNTM) giai đoạn 2016-2020, tổng nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh Bình Phước là 109.180 triệu đồng. Hàng năm, căn cứ nguồn vốn sự nghiệp được Trung ương giao, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cho các Sở, ngành thực hiện các dự án thành phần và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện hỗ trợ các nội dung: Phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; tập huấn; tuyên truyền; phát triển ngành nghề nông thôn; bồi dưỡng cán

bộ, công chức xã; phát triển hợp tác xã; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; xử lý, cải thiện môi trường nông thôn... Việc sử dụng vốn sự nghiệp hỗ trợ thực hiện các dự án thành phần và hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố đã đóng góp vào việc hoàn thành mục tiêu Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2016-2020.

Ngày 12/8/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025, trong đó, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ một số nội dung để phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng ngân sách của địa phương.

Để có căn cứ phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương cho các nội dung trên, góp phần vào hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; nhằm cụ thể hóa các quy định của Trung ương giao, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đồng thời, tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân thực hiện quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp của Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025, việc xây dựng Nghị quyết Quy định một số nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Nghị quyết) là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 7; Điều 8; Điều 9; Khoản 2, Điều 10; Điều 12; Khoản 2, Điều 14; Điểm a, Khoản 2; Điều 20; Điểm d, Khoản 2, Điều 26; Khoản 1, Điều 39 Thông tư số 53/2022/TT-BTC, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và nguồn lực tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023-2025; làm cơ sở để các địa phương chủ động trong xây dựng kế hoạch, lập dự án tổ chức thực hiện.

2. Quan điểm

Nội dung Nghị quyết không trái với các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật cấp trên, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; thực hiện xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ngày 05/4/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 307/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Ngày 24/4/2023, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 126/HĐND về việc phân công cơ quan trình dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp giữa năm 2023; trong đó, Sở Nông nghiệp và PTNT được giao tham mưu Ủy ban nhân

dân tỉnh dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết “Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

Ngày 24/4/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn bản 1354/UBND-TH về việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2023.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và PTNT (cơ quan chủ trì soạn thảo) đã xin ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan; đã tiến hành đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định. Dự thảo đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 149/BC-STP ngày 19/5/2023. Sở Nông nghiệp và PTNT có Báo cáo số 156/BC-SNN-CNTY ngày 26/5/2023 gửi Sở Tư pháp về việc báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Tờ trình số 123/TTr-SNN-CNTY ngày 27/5/2023 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã họp, xem xét thông qua nội dung dự thảo Nghị quyết tại cuộc họp ngày 01/6/2023.

Ngày 07/6/2023, Ban Kinh tế ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh và các thành viên tham dự cuộc họp tại Sở Nông nghiệp và PTNT (theo Công văn số 28/HĐND-KTNS ngày 09/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh) đã có ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung dự thảo Nghị quyết và có Tờ trình số 140/TTr-SNN-CNTY ngày 13/6/2023 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết.

IV. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bộ cục

Dự thảo Nghị quyết được bộ cục gồm 04 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

Điều 4. Điều khoản thi hành

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC gồm 11 nội dung, nhiệm vụ giao Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nội dung, mức hỗ trợ.

Trong đó, đối với nội dung quy định tại Điều 15 chi đầy mạnh sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị, tỉnh Bình Phước không phát triển hoạt động này nên Ủy ban nhân dân tỉnh không trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ cho nội dung này.

Đối với nội dung quy định tại Điều 11 về chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh tại buổi thẩm tra dự thảo Nghị quyết ngày 07/6/2023 tại Sở Nông nghiệp và PTNT, nội dung này tỉnh Bình Phước có Nghị quyết riêng nên đưa ra khỏi dự thảo Nghị quyết này.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định những nội dung được cơ quan cấp trên giao. Tại Khoản 1, Điều 1 của dự thảo Nghị quyết có quy định “Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các văn bản liên quan do các Bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”. Như vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết cụ thể hóa đối với 09 nội dung.

Trong 09 nội dung được Bộ Tài chính giao về cho các địa phương căn cứ thực tế địa phương và khả năng ngân sách để cụ thể hóa. ***Trong đó, mức tối đa không được vượt quá mức bội cho phép.*** Bình Phước là tỉnh có các đặc thù riêng, cụ thể: Là tỉnh Đông Nam bộ nhưng dân cư phân bố thưa, quy mô đầu tư cho xây dựng nông thôn mới cao. Sản xuất của người dân có liên quan đến hỗ trợ của Nghị quyết này thường là quy mô lớn, do vậy, quy mô sản xuất, thực hiện các mô hình cũng lớn, từ đó, mức đối ứng (số tuyệt đối) cũng cao. Để các nội dung, mô hình khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế thì đối với một số mức hỗ trợ Trung ương đã quy định, tỉnh cần chọn mức tối đa cho phép để giảm áp lực đối ứng của dân và khả thi trong thực hiện. Mặt khác, nguồn vốn bố trí cho Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2022-2025 cho thấy nguồn lực vốn sự nghiệp đảm bảo để Nghị quyết đi vào thực tiễn, cụ thể: nếu như nguồn vốn sự nghiệp giai đoạn 2016-2021 mỗi năm khoảng 15 tỷ đến 35 tỷ thì số vốn sự nghiệp nông thôn mới năm 2022 (được phép kéo dài sang năm 2023 theo Nghị quyết của Quốc hội) là 105 tỷ và năm 2023 là 83 tỷ đồng. Việc quy định mức hỗ trợ thấp hơn mức hỗ trợ tối đa Trung ương quy định rất khó xác định mức cụ thể và không thuận lợi khi cơ sở áp dụng chính sách.

Các nội dung cơ bản cụ thể như sau:

2.1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Nội dung

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

b) Cơ sở đề xuất

Lấy theo mức hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước quy định tại Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Mức quy định tại Nghị định này qua 05 năm triển khai trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tế và khả năng đối ứng của Nhân dân.

2.2. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

a) Nội dung

- Chi sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã: Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã tối đa 50 triệu đồng/xã; cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến thôn tối đa 30 triệu đồng/thôn.

- Hỗ trợ chi mua sắm, sửa chữa, thay thế phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện theo thực tế phát sinh nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện.

b) Cơ sở đề xuất

Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 05/2022/TT-TTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, hướng dẫn thực hiện Nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và Nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025. Mức hỗ trợ căn cứ tình hình thực tế địa phương, khả năng ngân sách và tham khảo các tỉnh lân cận.

2.3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, thôn

a) Nội dung

Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với huyện miền núi, tối đa 50% đối với các huyện còn lại.

b) Cơ sở đề xuất

Quy mô thôn của tỉnh ta lớn hơn nhiều so với mặt bằng chung của cả nước nên đề xuất lấy theo mức hỗ trợ tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC, căn cứ tình hình thực tế địa phương, khả năng ngân sách và có tham khảo các tỉnh lân cận.

2.4. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng tròng

a) Nội dung

Thiết lập vùng tròng, đánh giá và giám sát định kỳ, đột xuất, hướng dẫn ghi nhật ký, nhật ký điện tử; dụng cụ lấy mẫu vật dịch hại, phần mềm quản lý mã vùng tròng, phân tích dư lượng hóa chất, vi sinh vật trước khi đưa sản phẩm ra thị trường nội địa hoặc xuất khẩu; dịch thuật tài liệu báo cáo sang tiếng nước ngoài (nếu có); định danh mẫu vật dịch hại cho đối tượng kiểm dịch của nước nhập khẩu; tập huấn, tuyên truyền trong quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và (IPHM).

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí cho các cá nhân, tổ chức thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cơ sở đề xuất

Từ thực tế triển khai, đây là nội dung rất mới, cần phải có nguồn lực tập trung cho xây dựng hỗ trợ 100% và để khuyến khích, đẩy mạnh phát triển sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường. Tỉnh ta đang đẩy mạnh tái cơ cấu toàn diện ngành nông nghiệp. Nhiều cây có giá trị kinh tế thấp phải thay bằng những cây có giá trị kinh tế cao như Sầu riêng, bưởi. Việc gắn mã vùng trồng để đáp ứng nhu cầu thi trường khi xuất khẩu chính ngạch sang các thị trường Trung Quốc, Nhật Bản.

2.5. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp

a) Nội dung

Hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cơ sở đề xuất

Quy mô sản xuất nông nghiệp của tỉnh ta tại một hộ, cơ sở, doanh nghiệp... lớn hơn nhiều so với mặt bằng chung của cả nước nên đề nghị theo mức hỗ trợ tối đa tại Điều 12 Thông tư 53/2022/TT-BTC, căn cứ thực tế triển khai trên địa bàn tỉnh khả năng ngân sách và tham khảo mức hỗ trợ của các tỉnh lân cận.

2.6. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

a) Nội dung

Hỗ trợ các dự án phát triển vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các làng nghề; các dự án xây dựng mô hình làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ; các dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch cho các vùng sinh thái; dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với du lịch; các dự án bảo tồn, phát triển làng nghề khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Mức hỗ trợ: Tối đa 50% kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cơ sở đề xuất

Cơ sở đề xuất: Điều 13,14 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; mức hỗ trợ căn cứ thực tế triển khai trên địa bàn tỉnh khả năng ngân sách và tham khảo mức hỗ trợ của các tỉnh lân cận

2.7. Hỗ trợ dự án/kế hoạch phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng của địa phương

a) Nội dung

Hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

b) Cơ sở đề xuất

Tỉnh ta có tiềm năng rất lớn về du lịch dịch nông nghiệp, nông thôn nhưng chưa được phát huy tối đa. Để tiềm năng này được phát triển nhanh cản cứ *Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; mức hỗ trợ căn cứ thực tế triển khai trên địa bàn tỉnh, khả năng ngân sách và có tham khảo mức hỗ trợ của các tỉnh lân cận.*

2.8. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

a) Nội dung

a1) Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Trung tâm Văn hóa tỉnh tối đa 1.000 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tối đa 500 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã tối đa 80 triệu đồng/thiết chế; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn tối đa 50 triệu đồng/thiết chế.

a2) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tối đa 100 triệu đồng/01 tủ sách; Thư viện, tủ sách xã tối đa 50 triệu đồng/01 tủ sách; Tủ sách thôn, bản tối đa 30 triệu đồng/tủ sách.

a3) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn.

Hỗ trợ Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã tối đa 50 triệu đồng/01 năm; hỗ trợ Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn kinh phí tổ chức giải thể thao thôn tối đa 30 triệu đồng/01 năm.

b) Cơ sở đề xuất

Quy mô huyện, xã, thôn của tỉnh ta lớn hơn nhiều so với mặt bằng chung của cả nước (một xã tỉnh ta bằng cả một huyện phía bắc, một thôn tỉnh ta rộng bằng cả một xã phía bắc...) nên chi phí cho các hoạt động văn hóa cũng lớn. Vật giá của tỉnh cũng cao nên đã đề xuất lấy theo mức quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC; căn cứ tình hình thực tế địa phương, khả năng ngân sách và tham khảo các tỉnh lân cận.

2.9. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp

a) Nội dung

Hỗ trợ Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt tối đa 20 triệu đồng để tổ chức các hoạt

động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cơ sở đề xuất

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 04-NQ/HNDTW ngày 05/8/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (khóa VII) về "Đẩy mạnh xây dựng chi hội nông dân nghề nghiệp, tổ nông dân nghề nghiệp", căn cứ tình hình thực tế địa phương, khả năng ngân sách và tham khảo các tỉnh lân cận

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN

Nguồn lực để thực hiện Nghị quyết này có lồng ghép kết hợp nhiều nguồn lực khác nhau (Trung ương, tỉnh, huyện, xã, đối ứng Nhân dân, các chương trình, dự án khác...) nhưng trọng tâm và quan trọng nhất là vốn sự nghiệp Trung ương hỗ trợ và đối ứng của tỉnh, cụ thể:

1. Nguồn ngân sách:

- Ngân sách Trung ương: 129.517 triệu đồng (bao gồm vốn 2022 được phép kéo dài sang năm 2023)

- Ngân sách tỉnh: Đối ứng 1,5 lần ngân sách Trung ương theo quy định: 194.276 triệu đồng.

Nguồn sách nhà nước thực hiện Chương trình nông thôn mới nói chung và nguồn vốn sự nghiệp nói riêng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025.

2. Đối ứng của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế: Khoảng 48.450 triệu đồng.

3. Lồng ghép: Lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025.

Ngoài ra, cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục tham mưu theo hướng tăng nguồn lực cho Chương trình MTQG XDNTM nói chung và nguồn vốn sự nghiệp nói riêng để Nghị quyết đảm bảo được thực hiện. Các cơ quan từ tỉnh đến xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan quán triệt tinh thần Nghị quyết để đảm bảo thực hiện.

Tổng nhu cầu vốn sự nghiệp giai đoạn 2021-2025 là khoảng 450.000 triệu đồng.

Khả năng bố trí vốn sự nghiệp giai đoạn 2021-2025 là 442.243 triệu đồng, cụ thể:

- Vốn ngân sách: 323.793 triệu đồng.

- Nhân dân đóng góp, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác đối ứng: 48.450 triệu đồng.

- Lồng ghép từ các Chương trình MTQG và các chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh: 70.000 triệu đồng.

Như vậy, với các nguồn lực như trên đảm bảo để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ từ nguồn vốn sự nghiệp, bao gồm các quy định về mức chi tại Nghị quyết.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIÉN: Không

Đến nay, trong hệ thống văn bản của Chương trình MTQG XDNTM cần cụ thể hóa thì còn thiếu duy nhất Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản bám sát thực tế của tỉnh, khả năng huy động nguồn lực để tổ chức thực hiện. Một số địa phương có nội dung liên quan đến Nghị quyết đang chờ Nghị quyết có hiệu lực để tổ chức thực hiện.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành./.

(Kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định)./.

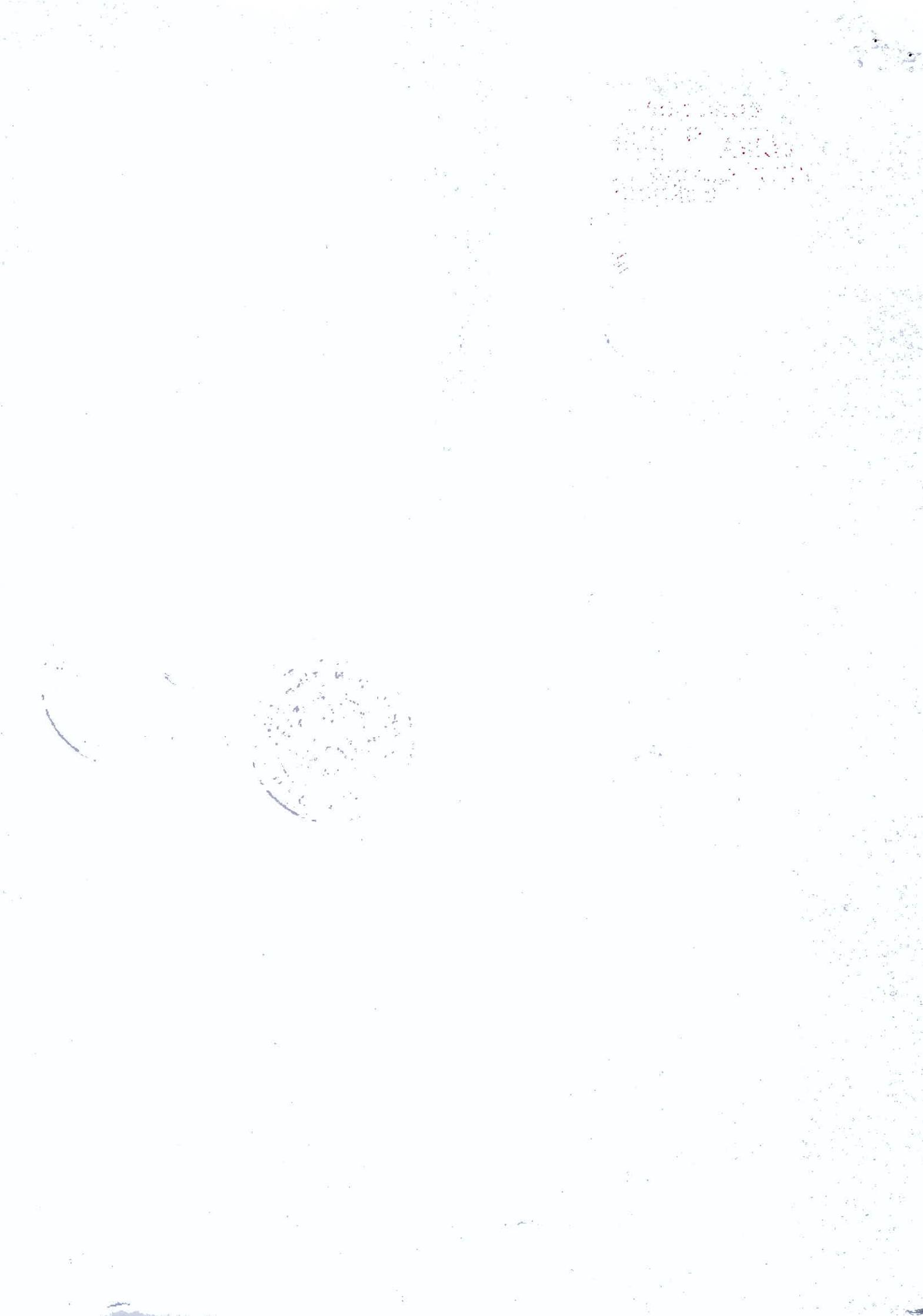
Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TP;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-10 13/6).

TM ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 01/2023/NQ-HĐND



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp
thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHOÁ ..., KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu, tiết kiệm nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các văn bản liên quan do các Bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thu hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở.

- Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất.

- Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng là cây chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền.

2. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

a) Chi mua sắm, sửa chữa thay thế thiết bị hư hỏng đài truyền thanh xã

Chi sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã: Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã tối đa 50 triệu đồng/xã; cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến thôn tối đa 30 triệu đồng/thôn.

b) Hỗ trợ chi mua sắm, sửa chữa, thay thế phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện theo thực tế phát sinh nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện.

3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, thôn

Nội dung chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với huyện miền núi, tối đa 50% đối với các huyện còn lại.

4. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng

Nội dung chi: Thiết lập vùng trồng, đánh giá và giám sát định kỳ, đột xuất, hướng dẫn ghi nhật ký, nhật ký điện tử; dụng cụ lấy mẫu vật dịch hại, phần mềm quản lý mã vùng trồng, phân tích dữ lượng hóa chất, vi sinh vật trước khi đưa sản phẩm ra thị trường nội địa hoặc xuất khẩu; dịch thuật tài liệu báo cáo sang tiếng nước ngoài (nếu có); định danh mẫu vật dịch hại cho đối tượng kiểm dịch của nước nhập khẩu; tập huấn, tuyên truyền trong quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và (IPHM).

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí cho các cá nhân, tổ chức thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp

Hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

a) Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ các dự án phát triển vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các làng nghề; các dự án xây dựng mô hình làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ; các dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch cho các vùng sinh thái; dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với du lịch; các dự án bảo tồn, phát triển làng nghề khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Mức hỗ trợ: Tối đa 50% kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Hỗ trợ dự án/kế hoạch phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng của địa phương tối đa 500 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

8. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

a) Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Trung tâm Văn hóa tỉnh tối đa 1.000 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tối đa 500 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã tối đa 80 triệu đồng/thiết chế; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn tối đa 50 triệu đồng/thiết chế.

b) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tối đa 100 triệu đồng/01 tủ sách; Thư viện, tủ sách xã tối đa 50 triệu đồng/01 tủ sách; Tủ sách thôn, bản tối đa 30 triệu đồng/tủ sách.

c) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn.

Hỗ trợ Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã tối đa 50 triệu đồng/01 năm; hỗ trợ Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn kinh phí tổ chức giải thể thao thôn tối đa 30 triệu đồng/01 năm.

9. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp

Hỗ trợ Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt tối đa 20 triệu đồng để tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

1. Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.
2. Nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu khác.
3. Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình.
4. Vốn huy động, đóng góp và đối ứng của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định của các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khoá, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Noi nhận:

- UBTƯ Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Các bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban và VP. Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH và Báo BP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Số: 149 /BC-STP

Bình Phước, ngày 19 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Vừa qua, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1000/SNN-VP ngày 12/5/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Qua xem xét hồ sơ dự thảo Nghị quyết và các văn bản QPPL có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Về hồ sơ và trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Về hồ sơ

Hồ sơ kèm theo Công văn số 1000/SNN-VP ngày 12/5/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được Thường trực HĐND

tỉnh giao UBND tỉnh trình tại kỳ họp giữa năm 2023 tại Thông báo số 116/TB-HĐND ngày 13/4/2023.

II. Nội dung thẩm định

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng trong dự thảo là phù hợp. Tuy nhiên, về giai đoạn triển khai thực hiện đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉnh sửa lại cho phù hợp vì hiện tại đã là tháng 5 năm 2023, việc quy định giai đoạn 2021-2025 mặc dù phù hợp theo Chương trình của cơ quan nhà nước cấp trên nhưng khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua phải phù hợp với giai đoạn được triển khai thực hiện khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua là giai đoạn 2023-2025.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Để dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, chỉnh sửa, giải trình một số nội dung sau:

- Về giai đoạn triển khai thực hiện trong toàn bộ dự thảo đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉnh sửa lại cho phù hợp vì hiện tại đã là tháng 5 năm 2023, việc quy định giai đoạn 2021-2025 là chưa phù hợp;

- Tại đoạn đầu điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo có quy định cụm từ “đội, tổ dân cư” được gọi chung là thôn. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thì thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc,... mới được gọi chung là thôn. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, chỉnh sửa lại cụm từ này cho phù hợp;

- Tại khoản 4 Điều 2 dự thảo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có dự thảo nội dung chi, tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thì “Căn

cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao". Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, chỉnh sửa lại nội dung này cho phù hợp;

- Nội dung quy định tại khoản 5 Điều 2 dự thảo đang được thực hiện theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước; đồng thời nội dung này cũng đang được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung tại kỳ họp giữa năm 2023. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, chỉnh sửa lại nội dung này cho phù hợp;

- Hiện nay việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật được thực hiện theo Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, khai thác, quản lý Tủ sách pháp luật. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đánh giá lại sự cần thiết khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua nội dung quy định tại khoản 9 Điều 2 dự thảo cho phù hợp;

- Về các mức hỗ trợ trong dự thảo đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan thống nhất để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua phù hợp nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ và đảm bảo nguồn ngân sách địa phương triển khai thực hiện.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết

Theo quy định tại tại khoản 2 Điều 7, Điều 8, Điều 9, khoản 2 Điều 10, khoản 3 Điều 11, Điều 12, khoản 2 Điều 14, điểm a khoản 2 Điều 20, điểm d khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 39 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thì việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước là phù hợp với văn bản đã giao cho HĐND tỉnh quy định chi tiết.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo của dự thảo Nghị quyết về cơ bản đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉnh sửa lại một số nội dung cho phù hợp, cụ thể như sau:

a) Tại phần tên gọi của dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bỏ cụm từ “cụ thể” cho ngắn gọn, phù hợp.

b) Tại phần căn cứ pháp lý đề nghị thống nhất cách ghi ngày, tháng, năm cho phù hợp theo Mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; đồng thời không quy định việc viết tắt trong toàn bộ các căn cứ pháp lý cho phù hợp.

c) Tại phần đề nghị ban hành, đề nghị chỉnh sửa lại như sau cho ngắn gọn, cụ thể:

“Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KT ngày tháng năm 2023 của Ban Kinh tế ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.”

d) Trong toàn bộ dự thảo đề nghị khi trích dẫn văn bản cần trích dẫn đầy đủ số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành và tên gọi cho cụ thể sau đó mới quy định việc viết tắt cho phù hợp.

d) Tại phần nơi nhận đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉnh sửa lại cụm từ “Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh” cho phù hợp vì theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông đã chuyển chức năng, nhiệm vụ lĩnh vực Công báo từ Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông sang Trung tâm Phục vụ hành chính công trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

III. Kết luận

Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước chỉ đủ điều kiện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các văn bản có liên quan sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa hoặc giải trình các ý kiến thẩm định tại Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NN&PTNT;
- Giám đốc (b/c);
- PGĐ Nguyễn Trọng Trí;
- Lưu: VT, PC,

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trọng Trí

BÁO CÁO

**Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp
và ý kiến góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự thảo Nghị quyết Quy
định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn
2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

Căn cứ Báo cáo số 149/BC-STP ngày 19/5/2023 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Công văn số 1174/SKHĐT-ĐT ngày 18/5/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị quyết HĐND quy định mức hỗ trợ vốn sự nghiệp chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến như sau:

1. Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, giải trình, bổ sung, chỉnh lý và hoàn thiện lại dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh theo ý kiến của Sở Tư pháp.

(Chi tiết theo phụ lục 01 kèm theo)

2. Giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1174/SKHĐT-ĐT ngày 18/5/2023:

- Ý kiến thứ nhất: Tại điểm a khoản 2 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết có hạng mục “Chi mua sắm thiết lập mới đài truyền thanh xã”. Tuy nhiên, tại Điều 8 Thông tư số 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính không quy định thiết lập mới đài truyền thanh xã, do đó đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo Nghị quyết rà soát đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư nêu trên.

Ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNT: Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm a khoản 2 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết.

- Ý kiến thứ hai: Tại khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết “Chi hỗ trợ mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, thôn tối đa là 70% kinh phí thực hiện”. Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính “mức hỗ trợ không quá 70% kinh phí thực hiện đối với các huyện miền núi và không quá 50% kinh phí thực hiện đối với các huyện còn lại”, như vậy quy định mức hỗ trợ của huyện miền núi khác so với huyện còn lại, do đó cần rà soát và xây dựng mức hỗ trợ phù hợp với quy định tại Thông tư nêu trên.

Ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNT: Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư về dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- GĐ, các PGĐ Sở;
- Sở Tư pháp;
- Hồ sơ trình UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PTNT, VPDP(Nhung).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Mạnh Thường



BẢNG TỔNG HỢP

Tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn

2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Báo cáo số 156/BC-SNN ngày 26/05/2023)

STT	Nội dung ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Tiếp thu/ Giải trình	Ý kiến/Giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
I	Về hồ sơ và trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết		
1	Về hồ sơ	Hồ sơ kèm theo Công văn số 1000/SNN-VP ngày 12/5/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015	Thống nhất ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp
2	Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết	Thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Chương VIII Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản QPPL ngày 18/6/2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Thống nhất ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp
	Dự thảo Nghị quyết Quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được Thường trực HĐND tỉnh giao trình HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm tại Thông báo số 116/TB-HĐND ngày 13/4/2023		Thống nhất ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp
II	Nội dung thẩm định		
1	Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết		

STT	Nội dung ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Tiếp thu/ Giải trình	Ý kiến/Giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
	Nghị quyết Quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng trong dự thảo là phù hợp. Tuy nhiên, về giai đoạn triển khai thực hiện đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT sửa lại cho phù hợp vì hiện tại đã là tháng 5 năm 2023, việc quy định giai đoạn 2021-2025 mặc dù phù hợp theo Chương trình của cơ quan nhà nước cấp trên nhưng khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua phải phù hợp với giai đoạn triển khai thực hiện khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua là giai đoạn 2023-2025		Thông nhất ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp
2	Sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với đường lối, chủ trương của Đảng, Chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật		
	Để dự thảo Nghị quyết Quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, chỉnh sửa, giải trình một số nội dung sau:		
	- Về giai đoạn triển khai thực hiện trong toàn bộ dự thảo đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT chỉnh sửa lại cho phù hợp vì hiện tại đã là tháng 5 năm 2023, việc quy định giai đoạn 2021-2025 là chưa phù hợp		Thông nhất ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp
	- Tại đoạn đầu điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo có quy định cụm từ "đội, tổ dân cư" được gọi chung là thôn. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thì thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc,... mới được gọi chung là thôn. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, chỉnh sửa là cụm từ này cho phù hợp;	Tiếp thu	Bỏ cụm từ "gọi chung là thôn" Tại đoạn đầu điểm a khoản 2 Điều 2
	- Tại khoản 4 Điều 2 Dự thảo, Sở Nông nghiệp và PTNT có dự thảo nội dung chi, tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thì "Căn cứ quy định tại Thông tư này, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao". Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, chỉnh sửa lại nội dung này cho phù hợp;	Tiếp thu	

STT	Nội dung ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Tiếp thu/ Giải trình	Ý kiến/Giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
	- Nội dung quy định tại khoản 5 Điều 2 dự thảo đang được thực hiện theo Nghị quyết số 07/2019/NQ9-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước ; Đồng thời nội dung này cũng đang được Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung tại kỳ họp giữa năm 2023. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, chỉnh sửa lại nội dung này cho phù hợp;	Tiếp thu	Chỉnh sửa tại khoản 5 Điều 2
	- Hiện nay việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật thực hiện theo Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, khai thác, quản lý tủ sách pháp luật. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đánh giá lại sự cần thiết khi tham mưu UBND tỉnh thông qua nội dung quy định tại khoản 9 Điều 2 dự thảo cho phù hợp;	Tiếp thu	Chỉnh sửa tại khoản 9 Điều 2, không tiếp tục quy định mức hỗ trợ cho nội dung này
	- Về các mức hỗ trợ trong dự thảo đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan đơn vị có liên quan thống nhất để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua phù hợp nguồn vốn ngân sách Trung ương phân bổ và đảm bảo nguồn ngân sách địa phương triển khai thực hiện	Tiếp thu, giải trình	Thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết và lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, địa phương. Qua đó, nhận được 15 ý kiến góp ý của các đơn vị. Sở đã có Báo cáo giải trình và tiếp thu. Mặt khác tổng nguồn vốn sự nghiệp Trung ương hỗ trợ và đối ứng vốn sự nghiệp của tỉnh (1,5 lần số vốn TW), cụ thể là năm 2022 với 105 tỷ, năm 2023 với 86 tỷ là đảm bảo nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ NTM bằng vốn sự nghiệp, bao gồm các quy định mức chi của dự thảo nghị quyết này
3	Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết		
	Theo quy định tại khoản 2 Điều 7, Điều 8, Điều 9, khoản 2 Điều 10, khoản 3 Điều 11, Điều 12, khoản 2 Điều 14. Điều a khoản 2 Điều 20, điều d khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 39 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thì việc Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước là phù hợp với văn bản đã giao cho HĐND tỉnh quy định chi tiết.		Thông nhất ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp
4	Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản		

STT	Nội dung ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Tiếp thu/ Giải trình	Ý kiến/Giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
	Ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo của dự thảo Nghị quyết về cơ bản đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT chỉnh sửa lại một số nội dung cho phù hợp. Cụ thể:		
a	Tại phần tên gọi của dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bỏ cụm từ "cụ thể" cho ngắn gọn, phù hợp.	Tiếp thu	Chỉnh sửa tại phần tên gọi
b	Tại phần căn cứ pháp lý đề nghị thống nhất cách ghi ngày, tháng, năm cho phù hợp theo mẫu số 16 Phụ lục 1 kèm theo Nghị định 154/2020/NĐ-CP; đồng thời không quy định việc viết tắt trong toàn bộ các căn cứ pháp lý cho phù hợp	Tiếp thu	Chỉnh sửa tại phần căn cứ pháp lý
c	Tại phần đề nghị ban hành đề nghị sửa lại như sau cho ngắn gọn, cụ thể: Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KT ngày tháng năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.	Tiếp thu	Chỉnh sửa tại phần đề nghị ban hành
d	Trong toàn bộ dự thảo đề nghị khi trích dẫn văn bản cần trích dẫn đầy đủ số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành và tên gọi cho cụ thể sau đó mới quy định việc viết tắt cho phù hợp.	Tiếp thu	
d	Tại phần nơi nhận đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉnh sửa lại cụm từ "Trung tâm tin học - Công báo tỉnh" cho phù hợp vì theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông đã chuyển chức năng, nhiệm vụ lĩnh vực Công báo từ Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông sang Trung tâm Phục vụ hành chính công trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.	Tiếp thu	Chỉnh sửa tại phần nơi nhận
III	Kết luận		
	Nghị quyết Quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước chỉ đủ điều kiện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các văn bản có liên quan sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa hoặc giải trình các ý kiến thẩm định tại Báo cáo này.	Tiếp thu	Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, giải trình toàn bộ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 149/B-STP ngày 19/5/2023 và hoàn thiện dự thảo